

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Quyền Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	9
Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 24/GPĐC-UBCK ngày 7 tháng 6 năm 2013 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thế Năng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Thủy	Thành viên
Bà Trương Thị Đàm	Thành viên
Ông Đinh Hoàng Hà	Thành viên
Ông Lê Thanh Trí	Thành viên
	(từ nhiệm ngày 6.9.2013)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Cường	Quyền Giám đốc
	(bổ nhiệm ngày 6.9.2013)
Ông Lê Thanh Trí	Giám đốc
	(từ nhiệm ngày 6.9.2013)
Ông Vũ Quang Vịnh	Phó Giám đốc
	(từ nhiệm ngày 10.6.2013)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Thế Năng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
---------------------	----------------------------

Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký; tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

Trụ sở chính

198 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Huy Chú, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

TRÁCH NHIỆM CỦA QUYỀN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh ("Công ty") ủy quyền cho Quyền Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Quyền Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Quyền Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Quyền Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 31. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam.



Nguyễn Minh Cường
Quyền Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013 và được Quyền Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 18 tháng 3 năm 2014. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Quyền Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Quyền Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Quyền Giám đốc của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Richard Peters
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0561-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Đặng Quốc Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0620-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM3916
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		315.296.269.452	304.498.956.092
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.955.200.840	64.173.492.108
111	Tiền		8.955.200.840	13.173.492.108
112	Các khoản tương đương tiền		-	51.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	237.144.704.995	87.319.901.487
121	Đầu tư ngắn hạn		237.846.365.291	87.546.024.332
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(701.660.296)	(226.122.845)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		68.954.968.561	152.881.809.047
131	Phải thu của khách hàng		10.000.000	116.250.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		1.275.420.496	174.727.997
138	Các khoản phải thu khác	6	86.087.624.227	160.822.481.440
139	Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(18.418.076.162)	(8.231.650.390)
150	Tài sản ngắn hạn khác		241.395.056	123.753.450
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	224.895.056	105.753.450
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	16.500.000	18.000.000
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		13.629.918.846	92.158.536.671
220	Tài sản cố định		3.532.696.157	5.152.180.407
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	967.519.322	1.814.793.347
222	Nguyên giá		7.828.580.703	9.414.900.826
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.861.061.381)	(7.600.107.479)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	2.565.176.835	3.337.387.060
228	Nguyên giá		6.422.555.040	6.072.995.040
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.857.378.205)	(2.735.607.980)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5	6.000.000.000	84.000.000.000
253	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		-	84.000.000.000
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	84.000.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác		6.000.000.000	-
260	Tài sản dài hạn khác		4.097.222.689	3.006.356.264
261	Chi phí trả trước dài hạn		4.774.167	80.807.167
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	11	2.810.325.896	2.057.912.598
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	954.270.626	539.784.499
268	Tài sản dài hạn khác	9	327.852.000	327.852.000
270	TỔNG TÀI SẢN		328.926.188.298	396.657.492.763

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		12.461.400.237	65.967.026.502
310	Nợ ngắn hạn		12.461.400.237	65.967.026.502
311	Vay và nợ ngắn hạn	13	-	2.998.985.191
312	Phải trả người bán		8.745.754	28.007.754
313	Người mua trả tiền trước		30.000.000	65.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	30.507.864	2.517.917.081
315	Phải trả người lao động		69.610.125	45.024.540
316	Chi phí phải trả		44.172.493	255.128.651
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	7.089.508.320	54.286.714.356
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	16	972.376.760	2.341.479.460
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	156.212.045	661.706.450
328	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	4.060.266.876	2.767.063.019
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		316.464.788.061	330.690.466.261
410	Vốn chủ sở hữu		316.464.788.061	330.690.466.261
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	300.000.000.000	300.000.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.158.326.913	3.935.519.345
418	Quỹ dự phòng tài chính		4.158.326.913	3.935.519.345
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		330.709.293	557.731.293
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.817.424.942	22.261.696.278
440	TỔNG NGUỒN VỐN		328.926.188.298	396.657.492.763

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày 31 tháng 12 năm	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
6. Chứng khoán lưu ký	006	519.252.780.000	669.884.290.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	295.628.830.000	367.623.380.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	15.794.940.000	439.450.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	279.833.890.000	367.183.930.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	85.675.460.000	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	85.675.460.000	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	136.744.150.000	136.744.150.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	136.744.150.000	136.744.150.000
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	15.000.000	100.300.460.000
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	15.000.000	100.300.460.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	1.183.500.000	55.416.300.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	197.600.000	101.000.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	985.900.000	55.315.300.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	5.840.000	9.800.000.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	10.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	5.830.000	9.800.000.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	21.901.430.000	920.460.000
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	20.655.530.000	920.460.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	170.000	1.400.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	20.655.360.000	919.060.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	1.245.900.000	-
7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	2.410.000	-
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	1.243.490.000	-

Phan Tuyết Minh
Người lập

Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán

Nguyễn Minh Cường
Quyền Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2014



Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
01	Doanh thu	34.948.865.177	57.244.680.056
	<i>Trong đó:</i>		
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.777.265.462	6.403.659.875
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	20 14.253.503.314	19.453.001.794
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	47.355.741	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	540.909.091	412.727.273
01.9	Doanh thu khác	21 16.329.831.569	30.975.291.114
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	34.948.865.177	57.244.680.056
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	22 (8.817.285.542)	(12.769.819.834)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	26.131.579.635	44.474.860.222
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23 (19.457.141.529)	(18.079.623.586)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.674.438.106	26.395.236.636
31	Thu nhập khác	34.535.146	50.827.458
32	Chi phí khác	24 (324.158.986)	-
40	(Chi phí)/thu nhập khác – thuần	(289.623.840)	50.827.458
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.384.814.266	26.446.064.094
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	25 (2.681.076.197)	(8.544.783.004)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25 752.413.298	2.057.912.598
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.456.151.367	19.959.193.688
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26 149	665


Phan Tuyet Minh
Người lập


Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán


Nguyễn Minh Cường
Quyền Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	6.384.814.266	26.446.064.094
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định	1.788.261.608	2.446.773.761
03	Các khoản dự phòng	10.661.963.223	8.157.649.874
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(24.862.487.868)	(36.687.756.408)
06	Chi phí lãi vay	195.877.492	788.113.108
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(5.831.571.279)	1.150.844.429
09	Tăng các khoản phải thu, chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác	(2.951.087.327)	(182.244.697.764)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(49.145.499.044)	51.528.674.233
12	Tăng các chi phí trả trước	(43.108.606)	(114.053.097)
13	Tiền lãi vay đã trả	(195.877.492)	(788.113.108)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.369.529.679)	(8.170.936.998)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(308.606.242)	(1.387.859.587)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(64.845.279.669)	(140.026.141.892)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(349.560.000)	(810.238.600)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	4.400.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29.435.931.592	36.019.049.197
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	29.086.371.592	39.608.810.597
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	61.741.953.985	99.961.304.662
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(64.740.939.176)	(96.962.319.471)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(16.460.398.000)	(18.708.275.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(19.459.383.191)	(15.709.289.809)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(55.218.291.268)	(116.126.621.104)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 64.173.492.108	180.300.113.212
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 8.955.200.840	64.173.492.108

Phan Tuyết Minh
Người lập

Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán

Nguyễn Minh Cường
Quyền Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	300.000.000.000	2.789.304.350	2.789.304.350	202.878.057	26.497.437.693	332.278.924.450
- Trích lập quỹ trong năm	-	1.146.214.995	1.146.214.995	545.872.736	(2.838.302.726)	-
- Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(191.019.500)	-	(191.019.500)
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	19.959.193.688	19.959.193.688
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh số 17)	-	-	-	-	(956.632.377)	(956.632.377)
- Công bố cổ tức	-	-	-	-	(20.400.000.000)	(20.400.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	300.000.000.000	3.935.519.345	3.935.519.345	557.731.293	22.261.696.278	330.690.466.261
- Trích lập quỹ trong năm	-	222.807.568	222.807.568	-	(445.615.136)	-
- Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(227.022.000)	-	(227.022.000)
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.456.151.367	4.456.151.367
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh số 17)	-	-	-	-	(454.807.567)	(454.807.567)
- Công bố cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	300.000.000.000	4.158.326.913	4.158.326.913	330.709.293	7.817.424.942	316.464.788.061

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập cho việc khen thưởng khách hàng có lượng giao dịch lớn trong năm ("Quỹ thưởng khách hàng"). Mức trích lập hàng năm của Quỹ thưởng khách hàng được phê duyệt bởi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

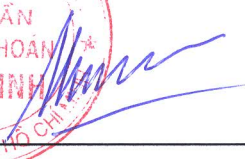
Trong năm, Công ty đã công bố 18.000.000.000 đồng cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 5 năm 2013.



Phan Tuyết Minh
Người lập



Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán



Nguyễn Minh Cường
Quyền Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 7 tháng 6 năm 2013 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp.

Ngày 8 tháng 12 năm 2012, Công ty đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước phê duyệt để thực hiện giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn Thông tư 74/2011/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 6 năm 2011.

Ngày 7 tháng 6 năm 2013, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp, phê duyệt thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký; tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 43 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2012: 56 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (“VNĐ”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản tiền gửi có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và những khoản đầu tư được Công ty nắm giữ với ý định sẽ bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh và tiền gửi ngân hàng có thời hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm. Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong thời gian dài của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Công ty không thể thu hồi các khoản đầu tư này.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ chứng khoán nợ này được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.7 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ cung cấp dịch vụ, phải thu từ mua bán các khoản đầu tư, phải thu từ giao dịch ứng trước và giao dịch ký quỹ cho nhà đầu tư, dự thu tiền lãi và thu nhập cổ tức và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc/hợp đồng gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Máy móc thiết bị	33,3%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	14,3% - 33,3%
Phần mềm vi tính	20% - 33,3%

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Chi phí đi vay

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư được xác lập.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động chứng khoán tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.12 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.

2.13 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

2.16 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 95/2008/TT – BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013	2012
	VND	VND
Tiền mặt	26.517.109	32.782.730
Tiền gửi ngân hàng	8.928.683.731	13.140.709.378
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của Công ty</i>	1.839.175.411	3.630.345.993
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư (Thuyết minh 15)</i>	7.089.508.320	9.510.363.385
Các khoản tương đương tiền (*)	-	51.000.000.000
	<u>8.955.200.840</u>	<u>64.173.492.108</u>

(*) Các khoản tương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

4 GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Các giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn giao dịch:		
a) Của Công ty	5.367.600	102.489.714.441
b) Của nhà đầu tư	255.616.160	2.422.116.574.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị theo số sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	237.846.365.291	5.752.141.712	(701.660.296)	242.896.846.707	(701.660.296)
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	11.470.061.286	5.752.141.712	(13.439.624)	17.208.763.374	(13.439.624)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (ii)	4.160.304.005	-	(688.220.672)	3.472.083.333	(688.220.672)
- Chứng khoán nợ chưa niêm yết (iii)	82.000.000.000	-	-	82.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm (iv)	140.216.000.000	-	-	140.216.000.000	-
(b) Đầu tư tài chính dài hạn	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000	-
	243.846.365.291	5.752.141.712	(701.660.296)	248.896.846.707	(701.660.296)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư ngắn hạn	87.546.024.332	123.625.413	(226.122.845)	87.443.526.900	(226.122.845)
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	591.224.332	10.475.413	(226.122.845)	375.576.900	(226.122.845)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (ii)	4.655.600.000	113.150.000	-	4.768.750.000	-
- Chứng khoán nợ niêm yết (iii)	26.299.200.000	-	-	26.299.200.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	56.000.000.000	-	-	56.000.000.000	-
(b) Đầu tư dài hạn	84.000.000.000	-	-	84.000.000.000	-
- Chứng khoán nợ chưa niêm yết (iii)	84.000.000.000	-	-	84.000.000.000	-
	171.546.024.332	123.625.413	(226.122.845)	171.443.526.900	(226.122.845)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (i) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại các sở giao dịch chứng khoán.
- (ii) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt cung cấp.
- (iii) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc. Phần chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh từ việc mua trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời kỳ từ ngày mua trái phiếu đến ngày đáo hạn.
- (iv) Bao gồm trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 31,7 tỷ đồng tiền gửi tại ngân hàng được dùng làm các tài sản đảm bảo cho các hạn mức tín dụng của Công ty (Thuyết minh 13).

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	11.287.735.088	76.997.282.788
Phải thu từ các hợp đồng "reverse repo"	-	12.441.853.000
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	63.396.120.728	11.868.128.388
Phải thu lãi đầu tư trái phiếu	7.126.909.145	9.773.871.525
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.033.698.889	4.563.437.937
Tiền thuế TNDN nộp thừa	1.214.891.020	-
Các khoản phải thu khác	28.269.357	45.177.907.802
	<u>86.087.624.227</u>	<u>160.822.481.440</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

7 DỰ PHÒNG PHẢI THU NỢ KHÓ ĐÒI

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	
	Giá trị nợ phải thu khó đòi VNĐ	Mức trích lập dự phòng VNĐ	Giá trị nợ phải thu khó đòi VNĐ	Mức trích lập dự phòng VNĐ
Tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	11.287.735.088	9.387.735.088	23.207.247.390	8.231.650.390
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	63.396.120.728	9.030.341.074	-	-
		<u>18.418.076.162</u>		<u>8.231.650.390</u>

Tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư và phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết do Công ty nắm giữ.

Mức trích lập dự phòng được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của nợ phải thu khó đòi và giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Số dư đầu năm	8.231.650.390	-
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	<u>10.186.425.772</u>	<u>8.231.650.390</u>
Số dư cuối năm	<u>18.418.076.162</u>	<u>8.231.650.390</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	105.753.450	72.507.520
Tăng trong năm	2.845.597.672	1.617.045.433
Phân bổ trong năm	(2.726.456.066)	(1.583.799.503)
Số cuối năm	224.895.056	105.753.450

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu liên quan đến chi phí bảo trì phần mềm giao dịch chứng khoán hằng năm của Công ty.

9 TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ, ký cược.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	1.866.742.955	566.475.906	6.981.681.965	9.414.900.826
Điều chỉnh khác (*)	(248.565.065)	-	(1.337.755.058)	(1.586.320.123)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.618.177.890	566.475.906	5.643.926.907	7.828.580.703
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	994.319.560	366.972.983	6.238.814.936	7.600.107.479
Khấu hao trong năm	262.450.633	94.412.651	309.628.099	666.491.383
Điều chỉnh khác (*)	(216.618.768)	-	(1.188.918.713)	(1.405.537.481)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.040.151.425	461.385.634	5.359.524.322	6.861.061.381
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	872.423.395	199.502.923	742.867.029	1.814.793.347
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	578.026.465	105.090.272	284.402.585	967.519.322

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)
(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(*) Theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã điều chỉnh giảm giá trị còn lại của các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 6.276.772.890 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 6.006.239.761 đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình
**Phần mềm vi tính
VNĐ**
Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013

6.072.995.040

Mua trong năm

349.560.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.422.555.040

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013

2.735.607.980

Khấu hao trong năm

1.121.770.225

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.857.378.205

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013

3.337.387.060

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

2.565.176.835

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.491.731.205 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.023.313.955 đồng).

11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI
Tại ngày 31 tháng 12 năm

**2013
VNĐ**

**2012
VNĐ**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi
trong vòng 12 tháng

2.810.325.896

2.057.912.598

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được ghi nhận như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	2.057.912.598	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 25)	752.413.298	2.057.912.598
Số dư cuối năm	2.810.325.896	2.057.912.598

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 7).

12 QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	539.784.499	381.128.293
Tiền nộp bổ sung	357.096.477	123.017.325
Lãi phân bổ	57.389.650	35.638.881
Số dư cuối năm	954.270.626	539.784.499

13 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số dư đầu năm VNĐ	Số vay trong năm VNĐ	Số trả trong năm VNĐ	Số dư cuối năm VNĐ
Vay ngân hàng	11,75 - 16,2	2.998.985.191	61.741.953.985	(64.740.939.176)	-

Công ty được cấp các hạn mức tín dụng tổng cộng là 28,5 tỷ đồng từ một ngân hàng thương mại trong nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các hạn mức tín dụng này được đảm bảo bằng tiền gửi của Công ty tại ngân hàng có kỳ hạn từ trên ba tháng đến dưới 1 năm là 31,7 tỷ đồng (Thuyết minh 5(iv)).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	3.467.236	19.113.636
Thuế thu nhập cá nhân	27.040.628	203.067.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	-	2.295.735.845
	<u>30.507.864</u>	<u>2.517.917.081</u>

15 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán cho hoạt động thanh toán bù trừ	-	44.776.350.971
Tiền gửi của khách hàng tại Công ty (Thuyết minh 3) (*)	7.089.508.320	9.510.363.385
	<u>7.089.508.320</u>	<u>54.286.714.356</u>

(*) Khoản tiền này thể hiện khoản tiền gửi của khách hàng tại Công ty cho mục đích giao dịch chứng khoán.

16 PHẢI TRẢ HỘ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu chủ yếu là khoản phải trả hộ cổ tức cho các cổ đông của Công ty mẹ (Thuyết minh 27(b)).

17 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số đầu năm	661.706.450	707.619.073
Trích lập quỹ	454.807.567	956.632.377
Sử dụng quỹ	(960.301.972)	(1.002.545.000)
Số cuối năm	<u>156.212.045</u>	<u>661.706.450</u>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và một mức cố định hàng năm cho thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên, thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty (Thuyết minh 27(b))	3.986.852.000	2.447.250.000
Kinh phí công đoàn	58.787.776	225.233.985
Phải trả khác	14.627.100	94.579.034
	<u>4.060.266.876</u>	<u>2.767.063.019</u>

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 7 tháng 6 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng Việt Nam (ba trăm tỷ đồng Việt Nam), tương đương 30.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	%	Vốn góp VNĐ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	210.058.000.000	70	210.058.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	15.000.000.000	5	15.000.000.000
Các cổ đông khác	74.942.000.000	25	74.942.000.000
	<u>300.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>300.000.000.000</u>

20 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Thu nhập lãi trái phiếu	11.629.791.090	17.603.622.898
Lãi từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	2.072.481.215	1.327.426.426
Thu nhập cổ tức	551.231.009	521.952.470
	<u>14.253.503.314</u>	<u>19.453.001.794</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

21 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Lãi tiền gửi	11.160.215.563	19.897.019.921
Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ	2.938.557.345	3.014.319.024
Doanh thu phí ứng trước	1.798.635.629	5.524.560.497
Doanh thu từ hợp đồng “reverse repo”	367.285.654	2.454.725.577
Doanh thu khác	65.137.378	84.666.095
	<u>16.329.831.569</u>	<u>30.975.291.114</u>

22 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Chi phí nhân viên	3.033.953.054	2.626.583.920
Chi phí môi giới chứng khoán:		
Phí giao dịch qua trung tâm	1.255.420.281	1.621.442.779
Hoa hồng môi giới	215.950.416	1.116.286.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.218.298.583	3.371.646.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.046.752.019	1.255.085.085
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	955.011.287	316.688.361
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	475.537.451	(74.000.516)
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	420.484.959	448.773.928
Chi phí lãi vay	195.877.492	788.113.108
Phân bổ phụ trội trái phiếu	-	1.299.200.000
	<u>8.817.285.542</u>	<u>12.769.819.834</u>

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Dự phòng nợ khó đòi (Thuyết minh 7)	10.186.425.772	8.231.650.390
Chi phí nhân viên quản lý	4.361.712.879	3.808.087.049
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.718.994.820	2.841.766.410
Chi phí thuê văn phòng	1.089.493.200	902.988.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	741.509.589	1.191.688.676
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	-
Chi phí bằng tiền khác	355.005.269	1.103.443.061
	<u>19.457.141.529</u>	<u>18.079.623.586</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

24 CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phạt chậm nộp thuế	324.083.440	-
Chi phí khác	75.546	-
	<u>324.158.986</u>	<u>-</u>

25 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 25% qui định trong Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của Công ty và được thể hiện như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.384.814.266	26.446.064.094
Thuế tính ở thuế suất 25%	1.596.203.567	6.611.516.024
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(131.787.787)	(130.488.118)
Chi phí không được khấu trừ	81.020.860	5.842.500
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất (*)	383.226.259	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.928.662.899</u>	<u>6.486.870.406</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	2.681.076.197	8.544.783.004
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 11)	(752.413.298)	(2.057.912.598)
	<u>1.928.662.899</u>	<u>6.486.870.406</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho giai đoạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(*) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm từ 25% xuống 22% từ năm tính thuế 2014 theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013	31.12.2012
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	4.456.151.367	19.959.193.688
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	149	665

27 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh ("Công ty mẹ") do sở hữu 70% vốn góp của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013	31.12.2012
	VNĐ	VNĐ
i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ		
Công ty mẹ		
Doanh thu từ phí môi giới kinh doanh chứng khoán	75.734.210	42.875.195
Doanh thu từ hoạt động tư vấn	30.000.000	30.000.000
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty mẹ		
Phí thuê văn phòng	234.000.000	308.000.000
iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.148.944.481	1.608.282.478
iv) Các giao dịch khác		
Công ty mẹ		
Cổ tức đã trả cho Công ty mẹ	12.603.480.000	14.283.944.000
Công ty mẹ nhờ trả hộ cổ tức	495.609.040	22.343.664.000
Cổ tức đã trả hộ cho Công ty mẹ	1.864.695.240	20.918.126.600
Phí môi giới thu hộ trả hộ cho công ty mẹ	6.242.460	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

27 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả khác		
Cổ tức phải trả cho cổ đông của Công ty (Thuyết minh 18)	3.986.852.000	2.447.250.000
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của Công ty mẹ	929.433.059	202.338.780
	<u> </u>	<u> </u>
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		
Cổ tức phải trả hộ cho Công ty mẹ (Thuyết minh 16)	972.376.760	2.341.462.960
	<u> </u>	<u> </u>
Phải thu khác		
Tiền điện phải thu từ Công ty mẹ	18.782.637	-
	<u> </u>	<u> </u>

28 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro của thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(i) Rủi ro thị trường

(a) Rủi ro giá

Các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ các nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư. Ban Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu giá các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn 1.003.686 đồng hoặc thấp hơn 146.071.000 đồng tương ứng.

(b) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất do các khoản vay đã được tái toán trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
28 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán, phải trả giao dịch chứng khoán và phải trả khác với số tiền là 12.244.280.328 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 62.722.402.971 đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

29 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang. Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Dưới 1 năm	634.236.800	1.273.383.432
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	634.236.800	1.273.383.432

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Quyền Giám đốc của Công ty phê duyệt để phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2014.

Phan Tuyết Minh
Người lập

Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán

Nguyễn Minh Cường
Quyền Giám đốc

